

Bản án số: 152/2021/HS-PT

Ngày 17 tháng 3 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Ông Vũ Ngọc Huynh

Ông Lê Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 737/2020/TLPT- HS, ngày 22 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo Trần Thanh T; Do có kháng cáo của bị cáo Trần Thành T, kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị cáo T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 450/2020/HS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 56/2021/QĐPT-HS ngày 19 tháng 02 năm 2021.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị: Trần Thanh T; giới tính: Nam; sinh ngày 27/12/2001 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ĐKTT: 35/2D, ấp HL, xã BĐ, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 11/12; con ông Trần Chí Ng và bà Nguyễn Thị H; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 21/6/2019; (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Đình X, Luật sư Văn phòng Luật sư TL, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bị hại:

1. Bà Võ Thị Th

Địa chỉ: Tổ 9, ấp PL, xã PMH, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh
(vắng mặt)

2. Ông Lê Văn Th1

Địa chỉ: 352 ấp BS, xã ANT, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người giám hộ của bị cáo: Ông Trần Chí Ng, sinh năm 1976; địa chỉ: 35/2D ấp HL, xã BÐ, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

(Người bị hại không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa không có triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thanh T và Lê Tấn Ph là bạn bè với nhau từ nhỏ. Khoảng 13 giờ ngày 16/6/2019, Lê Tấn Ph nhắn tin cho Trần Thanh T thông qua mạng xã hội facebook rủ T đi cướp giật tài sản và hẹn gặp T tại tiệm internet gần nhà của T. Sau đó, T điều khiển xe gắn máy hiệu Exciter, biển số 59N2-302.40 đến điểm hẹn chờ Ph lưu thông lòng vòng trên các tuyến đường thuộc địa bàn huyện HM tìm kiếm người có tài sản để cướp giật. Khi đến trước nhà số 1/9E N.T.S, ấp HL, xã BÐ, huyện HM, cả hai thấy chị Võ Thị Th đang điều khiển xe gắn máy lưu thông cùng chiều, túi quần trước bên trái của chị Th để nhô ra chiếc điện thoại di động hiệu Samsung. T liền điều khiển xe từ phía sau chạy lên áp sát bên trái xe chị Th để Ph ngồi sau dùng tay phải giật chiếc điện thoại của chị Th rồi tăng ga tẩu thoát.

Lúc này, anh Lê Văn Th1 đang điều khiển xe máy, nghe tiếng tri hô “Cướp cướp” của chị Th, nên anh Th1 quay lại thấy T chở Ph ngồi sau tay phải cầm 01 điện thoại di động hiệu Samsung đưa lên ngang vai rồi bỏ vào túi quần, nên anh Th1 điều khiển xe máy đuổi theo. Khi đến trước nhà số 53/2B, ấp 3, xã XTT, huyện HM (đuổi theo khoảng 2km), anh Th1 ép xe của T chở Ph vào lề đường làm 02 xe ngã xuống đường. Anh Th1 xông đến rút chìa khóa xe của T cầm trên tay, Ph thấy vậy liền lấy con dao bấm trong túi quần ra cầm trên tay đâm 03 nhát vào bụng, vai và bắp tay phải của anh Th1. Khi đâm anh Th1, Ph làm rơi chiếc điện thoại vừa giật được của chị Th và một điện thoại di động hiệu Nokia của Ph. T dựng xe Exciter biển số 59N2-302.40 lên đẩy đi được khoảng 03 mét, còn Ph chạy đến lấy chiếc xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số 54Y4-4653 của anh Th1 nổ máy và kêu T bỏ xe Exciter lại. T nhảy lên xe gắn máy do Ph điều khiển chở tẩu thoát về hướng xã BÐ, huyện HM và bỏ trốn khỏi địa phương.

Ngày 21/6/2019, Trần Thanh T đến Công an xã Vinh Lộc, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế đầu thú.

* Tại bản Kết luận định giá tài sản số 156/2019 ngày 05/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện HM kết luận: xe Wave RS biển số 54Y4-4653 có giá trị 6.500.000 đồng, điện thoại hiệu Samsung Galaxy Note 5 có giá trị 2.000.000 đồng.

* Tại bản Kết luận giám định số 658/TgT.18 ngày 25/7/2019 của Trung tâm Pháp y TP.Hồ Chí Minh kết luận giám định pháp y về thương tích của anh Lê Văn Th1 như sau: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 48%.

Tại Cơ quan điều tra, bị can Trần Thanh T khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Hiện nay, Lê Tấn Ph đã bỏ trốn, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã, khi nào bắt được xử lý sau.

Vật chứng thu giữ:

* Thu giữ tại hiện trường:

- Một (01) điện thoại hiệu Samsung Note 5 màu vàng đã thu hồi và trả cho chủ sở hữu là chị Võ Thị Th.

- Một (01) xe gắn máy hiệu Exciter biển số 59N2-302.40. Qua xác minh, có biển số thật là 70K1-002.05 do anh Nguyễn Trọng Th2 đứng tên đăng ký. Ngày 14/11/2014, anh Th2 cho người bạn tên Kh (không rõ lai lịch) mượn xe đi công chuyện, nhưng sau đó không thấy tên Kh trả xe nên anh Th2 có đến trình báo tại Công an huyện TC, tỉnh Tây Ninh. Do vậy, Cơ quan điều tra đã giao chiếc xe này cho Công an huyện TC tiếp nhận xử lý.

* Thu giữ của bị can Trần Thanh T:

- Một (01) áo thun ngắn tay màu đen.

- Một (01) quần vải lưng màu đen.

* Một USB màu xanh ghi lại hình ảnh Trần Thanh T điều khiển xe gắn máy chờ bỏ chạy, anh Lê Văn Th1 ép xe ngã xuống đường, Ph lấy dao bấm đâm và cướp xe của anh Th1 (kèm hồ sơ).

Về dân sự:

- Chị Võ Thị Th đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường dân sự.

- Anh Lê Văn Th1 yêu cầu các bị can bồi thường tài sản bị chiếm đoạt, tiền viện phí và tổn thất tinh thần, tổng cộng là 55.000.000 đồng. Gia đình bị cáo T bồi thường được số tiền 40.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 450/2020/HS-ST ngày 17/11/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b khoản 3 Điều 168; điểm s, b, h khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 02 (hai) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”; Và 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành là 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/6/2019.

Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo bồi thường thêm cho anh Lê Văn Th1 số tiền 15.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm, về lãi suất; về xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 23/11/2020, bị cáo Trần Thành T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Lý do: Bị cáo T cho rằng án sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”; Và 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản” là quá nặng. Nên bị cáo kháng cáo xin Tòa cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Ngày 28/11/2020, ông Trần Chí Ng là cha của bị cáo T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Trần Thanh T ở tuổi vị thành niên, bị đối tượng Lê Tấn Ph lôi kéo đi cướp tài sản. T chở Ph đi khoảng 02 km thì bất ngờ có người từ phía sau chạy tới đập vào xe làm cả 02 xe bị ngã, T bỏ chạy, khi nhìn thấy Ph đuổi theo người thanh niên, T quay lại dẫn xe chạy bộ, nhìn về phía sau thì thấy nhiều người cầm cây đuổi theo, bất ngờ Ph từ phía sau chạy tới, kêu T nhảy lên xe, trong tình thế phải đảm bảo an toàn tính mạng. T bỏ lại xe và nhảy lên xe của Ph đang điều khiển để cùng Ph bỏ chạy, sau đó T ra đầu thú. Ph lấy xe đi đâu T không rõ. Bản án sơ thẩm cho rằng T nhảy lên xe của Ph cùng bỏ chạy là đồng phạm tội “Cướp tài sản” là không phù hợp quy định của pháp luật. Gia đình ông Ng đã thỏa thuận hỗ trợ cho bị hại Th1 số tiền 40.000.000 đồng và ông Th1 cam kết không thắc mắc, khiếu nại về sau nhưng án sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường thêm số tiền 15.000.000 đồng là không có căn cứ. Nên ông Ng kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm về buổi tội “Cướp tài sản” đối với bị cáo T và số tiền bồi thường 15.000.000 đồng.

- Tại Quyết định kháng nghị số 65/KN-VKS-PT ngày 25/11/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm. Lý do: Mặc dù bị cáo T là đồng phạm đối với tội “Cướp tài sản” với vai trò giúp sức, nhưng hành vi phạm tội “Cướp tài sản” của bị cáo và đồng phạm là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội, gây bất bình trong nhân dân. Cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt đối với bị cáo về tội “Cướp tài sản” là không tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và không đảm bảo răn đe, phòng ngừa đối với tội phạm xâm phạm quyền sở hữu trong tình hình hiện nay. Vì thế kháng nghị: Yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo T về tội “Cướp tài sản”.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Ông Trần Chí Ng trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nêu trên và cung cấp chứng cứ mới, trong khi chờ xét xử phúc thẩm bị cáo tác động gia đình và ông đã nộp số tiền 15.000.000 đồng mà án sơ thẩm tuyên để T khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại cho bị hại Thảo theo biên lai thu số 0093716 ngày 04/3/2021 tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo T, thừa nhận án sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Cướp giật tài sản” và tội “Cướp tài sản” là đúng người, đúng tội, không oan sai, nội dung vụ án vừa nêu trên là đúng nên bị cáo không kháng cáo kêu oan chỉ kháng cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Ph biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tòa sơ thẩm tuyên bố bị cáo Trần Thành T phạm tội “ Cướp giật tài sản” và tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 và điểm b khoản 3 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, không oan sai. Mức hình phạt Tòa sơ thẩm phạt bị cáo 02 (hai) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, Tòa sơ thẩm phạt bị cáo T 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản” là không tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, không đủ sức răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa án sơ thẩm tăng hình phạt đối với bị cáo về tội “Cướp tài sản” xử bị cáo từ 04 năm đến 05 năm tù về tội “Cướp tài sản”, 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành chung cả 02 tội là từ 06 năm đến 07 năm tù.

- Bào chữa cho bị cáo luật sư X cho rằng: Kháng nghị của Viện kiểm sát chưa đề cập đến việc bị cáo khi phạm tội là người chưa thành niên. Bị cáo nhảy lên xe cùng Ph chạy trốn là tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng vì đang bị nhiều người rượt đuổi. Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, nhận dạng đối tượng Ph để cơ quan điều tra truy nã Ph, sau khi phạm tội ra đầu thú, bị cáo tác động gia đình đã bồi thường đủ số tiền bị hại yêu cầu là 55.000.000 đồng, trong đó bồi thường 40.000.000 đồng tại cấp sơ thẩm và 15.000.000 đồng tại cấp phúc thẩm; bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo; không chấp nhận kháng nghị, giảm hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không có tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo; bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Trần Thanh T khai nhận: Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 16/6/2019 bị cáo đã cùng với đối tượng Lê Tấn Ph thực hiện hành vi “Cướp giật tài sản” là chiếc điện thoại Samsung Note 5 màu vàng của chị Th trị giá 2.000.000 đồng rồi tẩu thoát. Trên đường tẩu thoát bị anh Lê Văn Th1 truy đuổi. Sau khi truy đuổi được khoảng 02km thì bị anh Lê Văn Th1 cúp đầu xe làm cả 02 xe bị té ngã xuống đường, sau đó Ph đã dùng dao tấn công anh Th1 (gây thương tích 43%) và cướp xe máy của anh Th1 để tẩu thoát (xe anh Th1 trị giá 6.500.000 đồng) khi Ph cướp xe anh Th1, Ph kêu lên xe, vì muốn nhanh chóng tẩu thoát nên bị cáo đã lên xe cùng Ph chạy trốn.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại cùng những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và lời luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát tại tòa. Cho nên Tòa cấp sơ thẩm xử bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” và tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 172 và điểm b khoản 3 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Đối với kháng cáo của ông Trần Chí Ng. Xét: theo Điều 413 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thì tại thời điểm xét xử sơ thẩm bị cáo T đã là người trên 18 tuổi nên không thuộc đối tượng áp dụng thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi và như thế thì ông Nguyễn không phải là người đại diện theo pháp luật của bị cáo T tại Tòa nên Tòa sơ thẩm không đưa ông Nguyễn tham gia tố tụng với tư cách người đại diện theo pháp luật của bị cáo T là đúng quy định của Điều 413 nêu trên.

- Do ông Nguyễn không phải là người đại diện theo pháp luật của bị cáo T nên ông Ng không có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Nên theo quy định tại Điều 345 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử không xem xét kháng cáo của ông Ng.

[4] Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ chí Minh và kháng cáo của bị cáo T. Xét: Lời khai của bị cáo T tại phiên Tòa phúc thẩm vừa nêu trên đã đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm 02 tội “Cướp giật tài sản” và tội “Cướp tài sản”. Đối với tội “Cướp tài sản” Tòa sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội là đồng phạm “Giúp sức” với vai trò không đáng kể là có căn cứ, do: Khi bị truy bắt bị cáo đã cùng nhảy lên xe của đối tượng Ph

vừa cướp được của anh Lê Văn Th1 để cùng tẩu thoát, chứ trước đó các bị cáo không có bàn bạc trước về hành vi này và sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trách nhiệm bồi thường thiệt hại là của đối tượng Ph chứ không do bị cáo, vì thương tích của bị hại Th1 là do Ph gây ra, song bị cáo đã thấy được lỗi lầm, ăn năn hối cải nên đã khắc phục toàn bộ hậu quả, bao gồm: 40.000.000 đồng tại cấp sơ thẩm và 15.000.000 đồng tại cấp phúc thẩm; bị hại Th1 đã làm đơn bãi nại đối với bị cáo; đồng thời khi phạm tội bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; và được xem xét theo các Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự. Do đó, Tòa sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, đủ để răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung, tại cấp phúc thẩm không có căn cứ mới để tăng hình phạt đối với bị cáo, trong khi bị cáo có chứng cứ mới là bồi thường đủ số tiền còn lại là 15.000.000 đồng cho bị hại nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát và cũng không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm về mức hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 15.000.000 đồng ông Trần Chí Ng nộp thay bị cáo Trần Thanh T theo biên lai thu số 0093716 ngày 04/3/2021 tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh được chi trả cho bị hại Lê Văn Th1, khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

[7] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng; về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thanh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 455/2020/HS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

1/ Tuyên bố bị cáo Trần Thanh T phạm tội “Cướp giật tài sản” và tội “Cướp tài sản”.

1.1/ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s, h khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 02 (bai) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

1.2/ Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”.

1.3/ Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành là 05 (năm) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 21/6/2019. Tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Thanh T theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

2/ Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Thanh T phải nộp là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

3/ Quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng; về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thành Long Vũ Ngọc Huynh

Nguyễn Văn Tửu

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh (2);
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh.
- Trại tạm giam TP. Hồ Chí Minh
“để tổng đạt cho bc” (2);
- Lưu hs (2) vp (5) 19b (án 09)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn TỬ